SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Thời gian ký: 28/05/2024 15:00:12 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH PHƯỚC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 11 /2024/QĐ-UBND | *Bình Phước, ngày 28 tháng 5 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 921/TTr-SNV ngày 23/5/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013

của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- BTTUBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (T03QP).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Tuệ Hiền**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH PHƯỚC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY CHẾ
## Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi chung là cấp xã)* tại các huyện, thị xã, thành phố *(sau đây gọi chung là cấp huyện)* trên địa bàn tỉnh.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### Điều 3. Căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng chức danh và số lượng chức danh công chức cấp xã còn thiếu, so với số lượng được giao theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cụ thể số lượng, chức danh công chức cấp xã cho từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

2. Căn cứ định mức, số lượng công chức cấp xã được giao, Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký nhu cầu, chỉ tiêu tuyển dụng đối với từng chức danh công chức cấp xã.

### Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Ngoài ra còn phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

a) Đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cán bộ, công chức cấp xã;

b) Có ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức theo Kế hoạch tuyển dụng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số

33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP)*.

**Điều 5. Ưu tiên trong tuyển dụng**

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

d) Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

**Điều 6. Phương thức tuyển dụng**

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ngoài hình thức tuyển dụng thông qua thi tuyển và xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận người đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

## Chương II
## TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

**Điều 7. Hội đồng tuyển dụng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức việc tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số phòng, ban, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban kiểm tra sát hạch (khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2). Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc;

b) Ban hành Nội quy kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã để tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển đảm bảo nghiêm túc, khách quan đúng quy định của pháp luật. Việc ban hành nội quy kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã, Hội đồng tuyển dụng xây dựng nội quy của kỳ tuyển dụng áp dụng nội quy ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức *(sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV)*;

c) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

d) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế;

đ) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển;

g) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng; các Ban, bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo

quy định tại Điều 2 Mục 1 và Mục 2 Chương I kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**Điều 8. Thi tuyển**

1. Thực hiện thi tuyển đối với các chức danh sau:

a) Văn phòng - thống kê;

b) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);

c) Tài chính - kế toán;

d) Tư pháp - hộ tịch;

đ) Văn hóa - xã hội.

2. Hình thức, nội dung, thời gian thi và xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 138/2020/NĐ-CP)*.

Riêng người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định của Chính phủ về kiểm định chất lượng đầu vào công chức mà tham gia thi tuyển công chức cấp xã thì không phải thực hiện thi vòng 1.

**Điều 9. Xét tuyển**

1. Thực hiện việc xét tuyển đối với các đối tượng quy định tại điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện việc xét tuyển đối với người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Quy chế này và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

2. Hình thức, nội dung xét tuyển, xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 10. Trình tự tổ chức tuyển dụng**

1. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng

Trên cơ sở nhu cầu đăng ký tuyển dụng của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ tuyển dụng trước mỗi kỳ tuyển dụng. Nội dung kế hoạch bao gồm:

a) Số lượng biên chế công chức cấp xã được giao và số lượng công chức cấp xã chưa sử dụng của từng đơn vị hành chính cấp xã;

b) Số lượng biên chế được giao và cần tuyển ở từng chức danh công chức cấp xã;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển của từng vị trí việc làm quy định tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn và ngành đào tạo đối với cán bộ, công chức cấp xã;

d) Hình thức, nội dung và thời gian tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển;

đ) Các nội dung khác (nếu có).

2. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

3. Thành lập Hội đồng tuyển dụng và Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển

a) Thành lập Hội đồng tuyển dụng do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định.

b) Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng. Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

4. Tổ chức thi tuyển:

a) Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.

b) Tổ chức thi vòng 1:

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

c) Tổ chức thi vòng 2:

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết hoặc hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì việc chấm thi viết và chấm phúc khảo thi viết thực hiện như quy định tại điểm b khoản này. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

5. Tổ chức xét tuyển:

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

b) Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

6. Các nội dung về công tác tổ chức; thi trắc nghiệm trên máy tính; thi trắc nghiệm trên giấy, thi viết, thi phỏng vấn, thực hành được áp dụng thực hiện theo quy định tại mục 1, mục , mục 3 Chương II Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV

7. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức: thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

a) Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và

gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

8. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; quyết định tuyển dụng và nhận việc: Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 11. Tập sự**

1. Chế độ tập sự, hướng dẫn tập sự, chế độ chính sách đối với người tập sự, người hướng dẫn tập sự thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Riêng thời gian tập sự của công chức cấp xã được thực hiện như sau: 12 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ đào tạo đại học trở lên; 06 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ đào tạo dưới đại học. Không thực hiện chế độ tập sự đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

2. Người được tuyển dụng giữ chức danh công chức cấp xã hoàn thành chế độ tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng.

3. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định bằng văn bản hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

**Điều 12. Một số nội dung khác trong tuyển dụng công chức cấp xã**

1. Việc thành lập Ban giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, lưu trữ tài liệu thực hiện theo quy định tại Chương III Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

2. Kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã áp dụng theo các văn bản của cấp có thẩm quyền quy định về kinh phí tuyển dụng công chức.

## Chương III
## TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ

**Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận**

Căn cứ yêu cầu của vị trí chức danh cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP nếu đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển, không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển.

2. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải có đủ 05 năm trở lên giữ chức vụ cán bộ cấp xã; trường hợp trước khi bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã đã từng là công chức cấp xã, khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

3. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến; khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

**Điều 14. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận**

Người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 15. Quy trình tiếp nhận vào làm công chức cấp xã**

1. Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

2. Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức đề nghị tiếp nhận báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành văn bản đề nghị Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ của đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

Văn bản phải thể hiện rõ: Tổng số lượng biên chế cán bộ, công chức được giao và đã sử dụng; số lượng biên chế công chức được giao và đã sử dụng ở từng vị trí công chức; tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng của từng vị trí cần tiếp nhận.

4. Căn cứ văn bản của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện:

a) Trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

b) Trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch; nội dung sát hạch; nguyên tắc làm việc; tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Căn cứ hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định.

## Chương IV
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch tuyển dụng và các quy định tại Quy chế; phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng cơ cấu, số lượng chỉ tiêu công chức xã cần tuyển dụng của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp;

b) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, tổng hợp chỉ tiêu, cơ cấu, số lượng công chức cấp xã còn thiếu, cần tuyển dụng trên địa bàn báo cáo Sở Nội vụ thống nhất bằng văn bản trước mỗi kỳ tuyển dụng theo quy định;

c) Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo Kế hoạch được phê duyệt, quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Xây dựng cơ cấu, số lượng chỉ tiêu công chức xã cần tuyển dụng của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng theo quy định; bố trí công chức được tuyển dụng đúng vị trí chức danh công chức cần tuyển.

### Điều 17. Điều khoản thi hành

Các nội dung khác về tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung Quy chế cho phù hợp./.